

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH XUYỀN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:208/2023/HS-ST  
Ngày 28 tháng 11 năm 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Bích Thuần

Ông Nguyễn Hữu Lợi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 200/2023/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Lưu Văn T, sinh ngày 01/01/1986; nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T và bà Trần Thị V; có vợ là Tống Thị S (đã ly hôn); con : Chưa có;

Tiền án: 04 tiền án

- Bản án số 90/ 2007/ HSST ngày 19/6/2007, TAND Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt T 01 năm 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2008; về án phí hình sự sơ thẩm 50.000đ, quá trình điều tra xác minh: Ngày 27/7/2009 Chi cục thi hành án dân sự Quận 6 đã ra quyết định ủy thác, ủy thác đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc để thi hành đối với số tiền án phí hình sự. Tại Biên bản xác minh thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo ngày 10/10/2023 xác định: Từ năm 2007 đến nay Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo không nhận được Quyết định ủy thác và Bản án số 90 nêu trên.

- Bản án hình sự phúc thẩm số 215/ HSPT ngày 11/8/2010 của TAND tỉnh Đồng Nai xét xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 227/2010/HSST ngày 31/5/2010 TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xử phạt Lưu Văn T 06 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (Lần phạm tội này là tái phạm). Bị cáo đã chấp hành xong án phí hình sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm vào ngày 19/6/2012. Đối với khoản tiền 9.041.000đ T phải bồi thường cho anh Trần Phan Nhân H, ngày 04.7.2011, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo đã trả lại đơn cho anh H với lý do T không có điều kiện để bồi thường.

- Bản án hình sự phúc thẩm số 282/2010/HSPT ngày 15/11/2010 TAND tỉnh Đồng Nai xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 398/ 2010/ HSST ngày 01/9/2010 của TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xử phạt T 10 năm tù về tội Cướp tài sản. Tổng hợp với Bản án hình sự phúc thẩm số 215/ HSPT ngày 11/8/2010 của TAND tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 năm tù. T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm là 400.000đ; phải nộp lại số tiền 534.000 để bồi thường cho anh H; 364.000 để bồi thường cho anh V; 802.000đ để bồi thường cho anh Tuấn E; 3.210.000đ bồi thường cho anh S; truy thu của T 145.000đ để sung quỹ nhà nước. Ngày 14/6/2012 bị cáo chấp hành xong hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm và số tiền bị truy thu để sung quỹ nhà nước 145.000đ sung quỹ nhà nước.

(Bản án này không được coi là tái phạm vì bị cáo phạm tội trước khi có bản án Bản án hình sự sơ thẩm 398/ 2010/ HSST)

- Bản án hình sự phúc thẩm số 108/ 2011/ HSPT ngày 10/5/2011 TAND tỉnh Đồng Nai xử giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 61/ 2011/ HSST ngày 24/01/2011 của TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xử phạt T 01 năm 06 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Tổng hợp với 16 năm tù của Bản án số 282/2010/ HSPT ngày 15/11/2010 của TAND tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 17 năm 06 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/2/2022. Ngày 14/6/2012 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2023 đến nay hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Xuyên; “có mặt”

*Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Xóm Đ, xã M, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; “có mặt”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn T là đối tượng không có công việc ổn định, hiện đang thuê trọ tại thôn Q, xã T, huyện Bình Xuyên. Quá trình thuê trọ ở đây T có quen biết với chị Nguyễn Thị Q (hiện làm công nhân tại Công ty TNHH C V ở khu công nghiệp B, huyện B và thuê trọ tại thôn Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc).

Khoảng 10h00 ngày 04/7/2023 T đến phòng trọ của chị Q chơi và hỏi vay tiền nhưng chị Q không cho vay, sau khi ăn uống xong T ngủ trưa tại phòng chị Q. Đến khoảng 16h00 cùng ngày, T ngủ dậy thấy chị Q vẫn đang ngủ, quan sát thấy 01 chiếc ví giả da màu xám ở đầu giường, do trước đó T đã đi cùng chị Q đến Ngân hàng làm lại mật khẩu thẻ ATM nên vẫn nhớ mật khẩu thẻ của chị Q là 160288 và biết trong thẻ của chị Q có tiền nên T mở ví lấy trộm thẻ Ngân hàng ShinhanBank của chị Q để rút tiền chi tiêu cá nhân. Đến khoảng 21h00 cùng ngày, T cầm thẻ ATM của chị Q đến cây ATM của Ngân hàng Shinhan Bank ở cổng Công ty TNHH C ở khu công nghiệp B, tại đây T cho thẻ ngân hàng vào cây rút tiền rồi nhập mật khẩu là 160288. Sau khi đăng nhập T công, T chọn rút được 5.000.000 đồng sau đó T tiếp tục các thao tác như trên rút thêm 5.000.000 đồng. Tổng là 10.000.000đ. Số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 05/7/2023, chị Q kiểm tra điện thoại thì thấy có tin nhắn từ Ngân hàng báo trừ 10.000.000đ từ tài khoản của chị, chị lấy ví ra kiểm tra thì không thấy thẻ ATM đâu, nghi ngờ T đã lấy thẻ ATM của mình nên ngày 06/7/2023, chị có đơn trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên đề nghị giải quyết đồng thời báo Ngân hàng khóa thẻ Ngân hàng của chị.

Ngày 08/7/2023, T cầm thẻ của chị Q đi đến cây đề rút tiền khi T cho thẻ vào thì màn hình hiển thị báo tài khoản đã bị khóa và Ngân hàng tự động giữ lại thẻ.

Cơ quan điều tra triệu tập T đến làm việc, tại Cơ quan điều tra T đã khai nhận toàn bộ nội dung diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên.

Đối với 01 thẻ ATM đã bị Ngân hàng giữ lại, sau khi báo Ngân hàng khóa thẻ, chị Q đến Ngân hàng không lấy lại thẻ cũ mà làm lại thẻ mới, Ngân hàng đã hủy thẻ ATM cũ do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Chị Q yêu cầu T phải trả cho chị số tiền 10.000.000đ mà T đã chiếm đoạt của chị, T đồng ý tuy nhiên do đang bị tạm giam nên chưa thể bồi thường cho chị Q được.

Tại bản Cáo trạng số 207/CT-VKSVT ngày 29 tháng 10 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên đã truy tố bị cáo Lưu Văn T về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” tại điểm g, khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị hại là chị Nguyễn Thị Q đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường 10.000.000đ; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung Cáo trạng đối với Lưu Văn T. Sau khi đánh giá nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù; Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại địa phương thấy bị cáo là đối tượng không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự đề nghị: Buộc Lưu Văn T phải bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Q 10.000.000đ (mười triệu đồng)

Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện

Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án, bị cáo cảm thấy hối hận về hành vi phạm tội của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên; Điều tra viên Công an huyện Bình Xuyên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lưu Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và được chứng minh bằng bản sao kê chi tiết giao dịch tài khoản của chị Q; video ghi lại hình ảnh Lưu Văn T rút tiền tại cây ATM do Ngân hàng cung cấp cùng các tài liệu khác thu thập trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân, ngày 04/7/2023 Lưu Văn T đã lén lút lấy trộm 01 thẻ Ngân hàng Shinhan Bank của chị Nguyễn Thị Q sau đó đi đến cây ATM của Ngân hàng Shinhan Bank ở công Công ty C ở khu công nghiệp B, B, Vĩnh Phúc, tại đây T đã sử dụng thông tin thẻ ngân hàng của chị Q rồi truy cập vào tài khoản và chiếm đoạt của chị Q số tiền 10.000.000đ để chi tiêu cá nhân.

Với hành vi nêu trên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố bị cáo ra trước tòa về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” tại điểm g khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định như sau:

- Điểm g khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự quy định:

*“..2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:*

*...*

*g) Tái phạm nguy hiểm.”*

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng vì hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; xâm phạm đến quy định của Nhà nước về đảm bảo an toàn mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số của người khác đồng thời gây

mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức độ phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình điều tra và tại phiên Tòa bị cáo T khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm là điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị án là người có nhiều tiền án; ngày 05/2/2022 bị cáo Chấp hành xong hình phạt tù và ngày 14/6/2012 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự của Bản án hình sự phúc thẩm số 108/ 2011/ HSPT ngày 10/5/2011 TAND tỉnh Đồng Nai thì đến ngày 04/7/2023 bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với chị Nguyễn Thị Q, đã trộm cắp thẻ ATM của chị Q và đến cây ATM rút tiền trong tài khoản của chị Q, chiếm đoạt của chị Q 10.000.000đ thông qua phương tiện điện tử. Hành vi phạm tội của bị cáo lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo nên cần xử lý bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 290 Bộ luật hình sự thì:

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*

Xét thấy bị cáo là đối tượng không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải bồi thường cho chị Q theo yêu cầu của chị Q, số tiền bồi thường là 10.000.000đ.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt, về hình phạt bổ sung và về trách nhiệm dân sự nêu trên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Lưu Văn T 03 (ba) tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/7/2022.

2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Buộc Lưu Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Q 10.000.000đ (mười triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ này có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lưu Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; 500.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND TT H, huyện T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Thanh**